

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB  
*ACB SECURITIES COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Independence - Freedom - Happiness*

Số: *57.1*.../CV-ACBS.25

TP. HCM, ngày *28* tháng *03*... năm 2025

No: *57.1*.../ CV-ACBS.25

HCMC, day *28* month *03*. year 2025

### CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

#### *PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*.

Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: *ACB SECURITIES COMPANY*

- Mã chứng khoán/ *Stock code*:
- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

*Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC*

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751  
*Telephone: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751*

- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Nguyệt  
*Persons making information disclosure: Nguyen Thi Nguyet*

Chức vụ : Giám đốc Tư vấn Pháp chế

*Title: Legal Consulting Director*

#### Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố các báo cáo đã được kiểm toán như sau:  
*ACB Securities Company (ACBS) has disclosed its audited statements as follows:*
  - Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.



*Audited Separate Financial Statement 2024 and Audited Consolidated Financial Statement 2024.*

- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi trên 10% tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 so với năm 2023.

*Explanation for fluctuations in profit after tax due to corporate income changes exceeding 10% in the Separate Income Statement and Consolidated Income Statement for 2024 compared to 2023;*

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

*Audited Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/3/2025 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

*This information was published on the company's website on 28/3/2025 as in the link <http://acbs.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

*Organization representative*

Người UQ CBTT

*Person authorized to disclose information*



**Nguyễn Thị Nguyệt**





## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/ Doanh nghiệp số</b>	0302030508	ngày 29 tháng 6 năm 2000
--	------------	--------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302030508 ngày 11 tháng 2 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động số</b>	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	150/UBCK-GP	ngày 4 tháng 9 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	13/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 6 năm 2014
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
	26/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2017
	45/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 6 năm 2021
	63/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 8 năm 2022
	101/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2022
	91/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 11 năm 2023
	96/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 11 năm 2023
	05/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 1 năm 2024
	03/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 1 năm 2025

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Đỗ Minh Toàn Nguyễn Đức Thái Hân Ông Huỳnh Duy Sang Ông Trịnh Bảo Quốc	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên
----------------------------	---	--

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàn Ông Lê Hoàng Tân	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
--------------------------	---	------------------------------------

<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên
--------------------------------------	------------------	------------------------------

==  
H  
K  
/H  
=

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury  
Số 117 Nguyễn Đình Chiểu  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Chợ lớn**

321 - 323 Trần Phú  
Phường 8, Quận 5  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Trương Định**

107N Trương Định  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Phòng giao dịch  
Nguyễn Thị Minh Khai**

442 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường 5, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Đông Sài Gòn**

Tầng 3, tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh  
Phường 22, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8**

197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng 8  
Phường 4, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi**

Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi  
Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

10 Phan Chu Trinh  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Chi nhánh Hải Phòng</b>	15 Hoàng Diệu Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	218 Bạch Đằng Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
<b>Chi nhánh Khánh Hòa</b>	80 Quang Trung Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
<b>Chi nhánh Vũng Tàu</b>	111 Hoàng Hoa Thám Phường 2, Thành phố Vũng Tàu Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam
<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**


**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

  
**Ông Võ Văn Vân**  
Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

  
**Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh**  
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ



  
**Ông Nguyễn Đức Hoàn**  
Tổng Giám đốc





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

### **Kính gửi Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các thuyết minh kèm theo (“Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính”), được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 7 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

## Cơ sở lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính và Hạn chế Sử dụng

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính trong đó có mô tả về cơ sở lập báo cáo. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91”) của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính có thể không thích hợp để sử dụng cho mục đích khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 91 và không nhằm sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00568-25-3



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND)	4	295.023.135.255
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND)	5	1.023.527.208.781
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND)	6	240.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) (VND)		1.558.550.344.036
5	Vốn khả dụng (VND)	7	8.800.225.194.528
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		564,64%

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

  
Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

  
Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh  
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ

  
Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc



## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 1 năm 2025 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 373 nhân viên (1/1/2024: 366 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91”) của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính và việc sử dụng báo cáo và các thuyết minh này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các quy định của Thông tư 91 về việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính có thể không thích hợp để sử dụng cho mục đích khác.

##### **(b) Cơ sở số liệu tài chính**

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm kết thúc cùng ngày. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

##### **(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này.

### **3. Tóm tắt những chính sách chủ yếu được áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính**

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này.

#### **(a) Tỷ lệ vốn khả dụng**

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} * 100\%$$

trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường (Thuyết minh 3(c)), giá trị rủi ro thanh toán (Thuyết minh 3(d)) và giá trị rủi ro hoạt động (Thuyết minh 3(e)).

#### **(b) Vốn khả dụng**

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) được cộng lại số dư của các tài khoản dự phòng trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày báo cáo.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số 7.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày báo cáo;
- Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Các công cụ nợ khác do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu mười (10) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng giá trị các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và đã báo cáo bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.



## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Giá trị ký quỹ;
- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày; và
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của (giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ) (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của (giá trị thị trường của tài sản bảo đảm và giá trị sổ sách) (đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng) và giá trị nhỏ nhất của (giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị thị trường của tài sản bảo đảm) (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có đảm bảo).

#### (c) Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu, giá thị trường của tài sản dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành và giá thị trường của chứng khoán cơ sở của các sản phẩm phái sinh do Công ty phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 91 như sau:

##### (i) Giá trị rủi ro của tài sản:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} * \text{Giá tài sản} * \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn; và
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****➤ Giá tài sản**

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư 91 như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1	Tiền VND	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán
<b>Trái phiếu</b>		
5	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế)</li><li>➤ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</li><li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.</li></ul></li></ul> <p><i>Tức là:</i> Max (Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế)</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn, cộng lãi lũy kế;</li><li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</li><li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.</li></ul> <p><i>Tức là:</i> Max (Giá yết (nếu có) cộng lãi lũy kế; Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế)</p>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu</b>		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</li><li>➤ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul><i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</li></ul>
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</li><li>➤ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul><i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</li></ul>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</li><li>➤ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul><i>Tức là:</i> Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</li></ul>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>➤ Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.</p> <p>➤ Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá từ các báo giá;</li><li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;</li><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Mệnh giá; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; và</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua/giá trị vốn góp; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Quỹ/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán</b>		
14	Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF	<ul style="list-style-type: none"><li>➢ Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</li><li>➢ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICCCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán</li></ul>
15	Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo phương pháp nội bộ của Công ty
<b>Tài sản cố định</b>		
17	Quyền sử dụng đất...	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
<b>Chứng khoán khác</b>		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	<ul style="list-style-type: none"><li>➢ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</li><li>➢ Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết)</li></ul>
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"><li>➢ Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán</li><li>➢ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li><li>➢ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trị sổ sách;</li><li>+ Giá mua;</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li></ul></li></ul> <p>Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>



## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

#### ➤ **Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

#### ➤ **Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định trên đây sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

#### (ii) **Giá trị rủi ro thị trường của chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do Công ty phát hành khi có lãi:**

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Max}\{[(P_0 * Q_0/k - P_1 * Q_1) * r - MD], 0\}$$

Trong đó:

$P_0$ : là giá bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày tính toán;

$Q_0$ : là số lượng chứng quyền đang lưu hành của Công ty;

$k$ : là tỷ lệ chuyển đổi;

$P_1$ : là giá của chứng khoán cơ sở được xác định theo nguyên tắc của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i);

$Q_1$ : là số lượng chứng khoán cơ sở mà Công ty dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;

$r$ : là hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền được xác định theo nguyên tắc của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i); và

$MD$ : là giá trị ký quỹ khi Công ty phát hành chứng quyền có bảo đảm.

## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Chứng khoán cơ sở để tính toán rủi ro thị trường theo công thức nêu trên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: đã có trong phương án phát hành hoặc đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sử dụng chứng khoán này trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm; và là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm.

Trường hợp chứng quyền do Công ty phát hành không có lãi, Công ty không phải tính rủi ro thị trường đối với chứng quyền đã phát hành nhưng phải tính rủi ro thị trường đối với chứng khoán cơ sở hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đã phát hành.

Công ty phải tính rủi ro thị trường đối với phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở do Công ty dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Giá trị cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm phải tương ứng với giá trị phòng ngừa.

#### (iii) Giá trị rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Max}\{[(\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} - \text{Giá trị chứng khoán mua vào}) * \text{Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai} - \text{Giá trị ký quỹ}], 0\}$$

$$\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} = \text{Giá thanh toán cuối ngày} * \text{Khối lượng mở}$$

Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà Công ty mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;

Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà Công ty ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

#### (d) Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

*Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán:*

$$= \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán} * \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính; và
- Các khoản phải thu khách hàng trong hạn trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu quá hạn và chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng, giao dịch sau đây:
  - Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành;
  - Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;
  - Các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;
  - Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán.

Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

*Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán:*

$$= \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán} * \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian}$$

- Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định theo công thức sau:

*Giá trị rủi ro thanh toán:*

$$= \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán} * \text{Hệ số rủi ro thanh toán}$$

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng. Hệ số rủi ro thanh toán là 8% khi giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu, 100% khi giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán.





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****(i) Hệ số rủi ro thanh toán**

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 91 như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư 91 như sau:

STT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

**(ii) Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

- *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại:*

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và cho vay
2	Cho vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max} \{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} * (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} * (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí có liên quan.

Giá trị tài sản bảo đảm được xác định theo giá thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

- *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán:*

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
<b>A. Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)</b>		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch) 0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)
<b>B. Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)</b>		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch) 0 (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)

- *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán của các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn và các công cụ nợ đã đáo hạn là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán và chi phí có liên quan, trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó, nếu có.*

## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

#### (iii) Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác hoặc khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Các đối tác hoặc khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi tắt là “Sở giao dịch Chứng khoán”), trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm tính giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản bảo đảm} * \text{Giá tài sản bảo đảm} * (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i).

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh 4.

#### (iv) Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty trở lên.





## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

#### **(v) *Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán***

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch; và
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

#### **(e) *Giá trị rủi ro hoạt động***

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn hơn của 25% chi phí hoạt động trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán và 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chi phí hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; và
- Chi phí lãi vay.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**4. Giá trị rủi ro thị trường**

Các hạng mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			
1.	Tiền mặt (VND)	0%	396.755.177.764	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	1.142.946.771.431	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
<b>II.</b>	<b>Trái phiếu Chính phủ</b>			
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	0%	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	-	-
<b>III.</b>	<b>Trái phiếu tổ chức tín dụng</b>			
6.	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
<b>IV.</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			
7.	<b>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết</b>			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
8.	<b>Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết</b>			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV.</b>	<b>Cổ phiếu</b>			
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	2.267.167.491.200	226.716.749.120
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	55.700.000.000	8.355.000.000
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCOM	20%	45.600.000.000	9.120.000.000
12.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	7.013.520.000	3.506.760.000



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
<b>V.</b>	<b>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			
14.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
<b>VI.</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			
16.	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/kiểm toán theo quy định	30%	-	-
17.	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	33.966.878.400	6.793.375.680
18.	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	1.941.445	776.578
20.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	8.639.421	6.911.537
<b>VII.</b>	<b>Chứng khoán phái sinh</b>			
21.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	41.310.000.000	3.304.800.000
	Cách tính: Giá trị rủi ro = Max {(((Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) * hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)), 0}. Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày * khối lượng mở.			
22.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	8%	-	-
<b>VIII.</b>	<b>Chứng khoán khác</b>			
23.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
24.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
25.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
26.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
27.	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100%	-	-
28.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
29.	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
	Cách tính: Giá trị rủi ro = Max {[ $(P_0 * Q_0/k - P_1 * Q_1) * r - MD$ ], 0}			



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

<b>Các hạng mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>		<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>Quy mô rủi ro VND</b>	<b>Giá trị rủi ro VND</b>
		<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)=(1)*(2)</b>
30.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	10%	314.219.444.000	31.421.944.400
31.	Phân chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	10%	57.968.179.400	5.796.817.940
<b>IX.</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>		-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>				<b>295.023.135.255</b>

5. Giá trị rủi ro thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro (VND)
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và dịch vụ chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (i)	-	-	-	-	679.918.058.671	68.238.621.938	748.156.680.609
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán	-	-	-	-	-	-	748.156.680.609
II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)				Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)	
1.	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16				85.265.822	13.642.532	
2.	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32				1.372.624	439.240	
3.	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48				30.886	14.825	
4.	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100				118.828.965.489	118.828.965.489	
	Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán						118.843.062.086	

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Diễn giải	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
<b>III</b>	<b>Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>			
1	Các hợp đồng, giao dịch khác	-	-	-
2	Khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu	-	-	-
3	Khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu	-	-	-
	<b>Tổng rủi ro hợp đồng, giao dịch khác</b>			

STT	Diễn giải	Giá trị rủi ro tăng thêm (%)	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
<b>IV.</b>	<b>Rủi ro tăng thêm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ các đối tác</b>				
1.	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30	6	388.177.421.267	116.453.226.380
2.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	20	6	115.078.691.682	23.015.738.336
3.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	20	6	85.292.506.850	17.058.501.370
	<b>Tổng rủi ro tăng thêm</b>				<b>156.527.466.086</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (I+II+III+IV)</b>					<b>1.023.527.208.781</b>

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác.





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và dịch vụ chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác bao gồm:

	Quy mô rủi ro VND	Hệ số rủi ro %	Giá trị rủi ro VND
Tiền gửi có kỳ hạn	11.216.270.656.847	6%	672.976.239.411
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	115.696.987.666	6%	6.941.819.260
			679.918.058.671
Các khoản phải thu khác từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán và dịch vụ chứng khoán	852.982.774.222	8.00%	68.238.621.938
<b>Tổng</b>			<b>748.156.680.609</b>

**6. Giá trị rủi ro hoạt động**

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND
<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh cho kỳ 12 tháng tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>1.686.561.446.405</b>
<b>II.</b>	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>941.101.600.347</b>
1.	Chi phí khấu hao	24.464.178.838
2.	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	99.875
3.	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
4.	Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	476.631.606.321
5.	Chi phí lãi vay	440.005.715.313
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động sau khi giảm trừ (III = I – II)</b>	<b>745.459.846.058</b>
<b>IV.</b>	<b>25% tổng chi phí hoạt động sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>186.364.961.515</b>
<b>V.</b>	<b>20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty</b>	<b>240.000.000.000</b>
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (=Max {IV, V})</b>	<b>240.000.000.000</b>

120  
 H I N  
 NG  
 KP  
 PHỔ

Công ty TNHH Chứng khoán ACB  
Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

7. **Vốn khả dụng**

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	7.000.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	147.003.969.513		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	167.626.370.395		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.920.633.588.969		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	118.775.074.587		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính (i)		3.793	3.960.426.513
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	<b>Tổng</b>			<b>9.357.999.426.184</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	

00,  
ÁNI  
/ TN  
AG  
CH

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		50.000	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.758.864	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		25.318.265.892	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		44.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		610.131.150	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		37.016.391.242	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>62.992.597.148</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		51.400.000.000	
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>81.814.436.631</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>1.014.000.000</b>	



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		7.060.962.100	
2	Chi phí trả trước dài hạn		49.714.235.237	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		128.026.672	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác		15.024.973.868	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán/kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			<b>276.156.634.508</b>
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào Quỹ Bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		218.625.000.000	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>			<b>218.625.000.000</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D</b>				<b>8.800.225.194.528</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**(i) Giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính**

Chi tiết giá trị tăng thêm và giảm đi của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính được điều chỉnh vào vốn khả dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá thị trường VND	Chênh lệch VND
<b>Giá trị tăng thêm</b>			
Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL			
Cổ phiếu chưa niêm yết	41.642.441.834	45.602.868.347	3.960.426.513
<b>Giá trị giảm đi</b>			
Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL			
Cổ phiếu chưa niêm yết	652.657	648.864	(3.793)



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh  
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ




Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc



